

YAN-HOA
TEINTURERIE

HUA-NHAN
DI BAN-CHUM-LONG

Wagon

坊染器葛



任監獄員

增朋 增朋 增朋

萬定奏

高文奏

南尺色

Vạn vật đều có mười bốn chữ
Thước hai mươi bốn

唐

76
St. onjian

in dreyen kleinen Töpfen

THƯ VIỆN AN GIANG



HN.000256

唐

增明

高

文

奏

高

衛

天委

地地

玄顛

黃墮

宇坡

宙葵

洪溪

荒叢

日志

月志

盈號

昃瀉

辰半

宿半

列排

張插

寒節

來吏

暑節

往戈

秋各

收各

冬各

藏霜

朔入

餘各

成戰

歲醉

律柳

呂柳

調和

溫氣

暑氣

雲

藤

致

雨

露

結

為

霖

金

生

灑

水

玉

山

崑

崗

劍

號

巨

闕

珠

稱

夜

光

果

珍

李

崇

菜

菜

重

芥

薑

騰

火

山

崑

疑

疑

疑

疑

疑

疑

錄

錄

玉

稱

疑

曳

棋

溜

戔

人

少

演

流

山

崇

海變鹹鰻

河淹

淡落

鱗鰓

潛躍

羽翎

翔翔

龍帝師帝

火火帝帝

鳥帝官帝

人帝

皇帝

姓買制制

文義

字字

乃乃

服太

衣衣

裳裳

推押位位

讓x

國落

有美

虞虞

陶氣

唐唐

退徐 愛天 坐勉 吊救
雨斯 育育 朝ta 民diu
壹受 黎几 問海 伐打
體法 首几 道海 罪打
率率 臣朝 垂垂 周姜
賓朝 伏伏 拱拱 發希
歸米 戎戎 平平 商商
王希 夷夷 章章 湯湯

恭敬
cung kính

蓋定
cái định

化化
huà

鳴鳴
míng

惟今
die hui

此低
dây

被波
bị

鳳鳳
phượng

鞠鞠
cúc

身身
thân

草草
cỏ

在在
tại

養養
nuôi

髮髮
phát tóc

木木
mộc

竹竹
trúc

宣宣
khuyến

四四
bốn

賴賴
loại

白白
trắng

敢敢
cảm

大大
lớn

及及
và

駒駒
cô

毀毀
hủy

五五
năm

萬萬
mười

食食
ăn

傷傷
hại

常恒
thường

方方
phương

塲塲
trường

恭
謝

麟

養

宣

燈

琴

琴

登
此

良

邊

回

大

正

第

山
新

草

木

賁

琴

島

文

忠
鳳

金

竹

白

琴

食

簞

信 信

使 使

可 可

覆 覆

器 器

欲 欲

難 難

量 量

周 周

談 談

彼 彼

短 短

靡 靡

恃 恃

已 已

長 長

知 知

過 過

必 必

改 改

得 得

能 能

莫 莫

忘 忘

女 女

慕 慕

貞 貞

潔 潔

男 男

效 效

才 才

良 良

良

行刺百
變器必
集

風
楚
安
發
蘇
封
日
水

賦
過
必
好
得
道
莫
意

文
慕
貞
家
民
慈
本
家

空谷 KHÔNG

德建 ĐỨC

景行 THƯỜNG

墨悲 ĐÀ

傳

名

維

絲

ngày 11 Hg 11 năm 1940. canh thính.

聲

立

賢

染

Câu chúc cho hai tập Hán và Mè.

虛

形

克

詩

Chay C. B. L. hiệu Bình thành tiên sinh.

堂

端

念

讚

Thời nhơn Xing vi dựch tiên sinh Pí gia.

習

表

作

羔

聽

正

聖

羊

謝容傳聲南窗留聽

德建名才形貌表丑

景行維賢來人念作聖

墨悲絲來言贊美

under 11 and 11 more 1440. can't think.
I've also had the same words.
I don't think I've had them.
I don't think I've had them.

孝當竭竭力忠則盡命命an

資ti父父事君曰嚴嚴與共敬敬

尺xí壁壁非非寶寶寶寶寸寸陰陰是是競競

禍禍因因惡惡積積福福緣緣善善慶慶

容儒
giong dung

川堯

似以
Cao

臨不

止止
chi

流述
lau

蘭乾
lan

深深
ham sau

若朋

息下

斯其

履野
ly

思思
si

不息
上

馨馨
hin

薄薄
Bae

言言
noi

淵淵
Chuen yan

如明
Lu

夙夙
sui

辭刺
ti

澄澄
Cheng

松松
song

興興
Hung

安

取取

之之

溫溫
man

定

映映

威威
Hoi

清清
Hing

篤^厚初^先誠^實

美^幸慎^提終^整宜^合令^苓

榮^廟業^桑所^先基^厚藉^賴甚^宗無^空竟^其

學^學優^造登^升仕^官攝^錄職^職從^踐政^從

存^儻必^心以^心甘^甘棠^棠去^中而^而益^乾詠^詠

樂

殊 恪
Hư Khe

貴 歸

賤 賢
tiên

禮

別 分
biệt

尊 高
tôn

卑 卑
thấp

上 上
Hòa

下 下
Lục

夫 煙

唱 唱
cung

婦 婦
thụ

隨 暉
tu

外 x
受 受
傳 傳
訓 訓

入 入
nhập

奉 仁
phụng

母 母

儀 儀
nghe

諸 各
姑 姑
伯 伯
叔 叔

猶 猶
ou

子 子
tử

比 比
tỷ

兒 兒
nhi

孔^曉

懷^曉

兄^英

弟^俺

同

氣^{KHC}

連^x

枝^梗

交

友^伴

投^招

分^頭

切^棟

磨^x

箴^針

規^規

仁

慈^慈

隱^伴

惻^惻

造^造

次^雷

弗^在

離^x

節

義

廉^宜

退^騎

顛^顛

沛^沛

匪^匪

赤^不

銛^銛

性

靜

洛

情

逸

安

心

動

神

精

疲

痛

守

the guard

貞

志

chi

滿

mang

逐

truc dau

物

意

移

堅

針

Kien

持

toi cam

雅

雅

操

thao

好

爵

自

縻

翰

縻

都

do chon

邑

華

夏

東

西

二京

Kun

背印pháp

面

洛lạc

浮phục

渭vi

據cứ

涇kinh

宮cung

殿điện

般ban

榭thiết

樓lầu

觀quan

飛phi

敬kính

馬ma

圖

寫viết

禽獸chim thú

畫họa

彩sắc

仙tiên

靈linh

丙舍binh xá

傍bàng

啟khải

甲帳giáp trướng

對đối

楹đôi

盤đĩa

既ky da

集tan chom

墳phân

典sách

亦

聚tu nhom

君quân

英

右lên

通

廣

內quân dîn

左lên

達dat thong

承thua dîn

明

陞thông

階thâm

納xuông

陞lê

弁biên mào

轉chuyen

疑nghi

星sao

肆lên

筵dien

設thet

席thet

鼓drum

瑟se

吹thổi

笙sinh

杜 ^{đỗ} 藁 ^{gảo}

鍾 ^{chung} 隸 ^{lịch}

漆 ^{thạch} 書 ^{thư}

壁 ^{biết} 經 ^{kinh}

府 ^{phủ} 羅 ^{la} 將 ^{ương}

相 ^{hương}

路 ^{lộ}

俠 ^{hiệp} 槐 ^{hoài}

鄉 ^{hương}

戶 ^{hộ} 封 ^{phong} 入 ^{nhập}

縣 ^{huyện}

家 ^{gia}

給 ^{cấp}

千 ^{thiên}

兵 ^{binh}

高 ^{cao} 冠 ^{quán}

陪 ^{bồi} 輦 ^{hãm} 車 ^{xe}

驅 ^{qu} 驅 ^{qu}

轂 ^{cúc} 振 ^{chấn}

動 ^{động}

纓 ^{anh} 女 ^{nữ}

世thế祿lộc侈chi富phù車xe駕già肥phì輕nhẹ

策thiết功công茂mậu實thực勒lặc碑bi刻khắc銘khắc

磻ban谿khê伊ý尹doãn佐trợ時thời阿à衡hình

奄hãm宅trạch曲khúc阜phủ微vi旦đán孰thục營toàn

桓Hoàn公主

匡給合góp

濟合弱nhỏ

扶托傾 nghiêng

綺并回ông

漢hàn惠hùi

說說感can

武武丁丁

俊tuấn又hết

密ngay勿nhớ

多đông士đông

寔thực寔thực

寧an

晉phẩm楚chữ

更găng霸phá

趙chiêu魏uế

困khốn橫hàng

橫hàng

橫hàng

宣平出 ra 仙

威hoai

沙sa

漠mit

馳馬 奇

譽譽 奇

丹dan

青

起外

翦外

頗外

牧目

用

軍quan

最吃

精星

何外 蕭 nguoi

遵發

約新

法nhap

韓韓

敞破 非 光 破 光

煩煩

刊形

假也 蠻 mien

途塘 do đường

滅打 đánh

號國 若 號

踐踐

土土

會會

盟盟

九

州

禹 (Chao)

蹟 ch'ain
蹟 ts'ich

百

郡 quân

秦

家 ^{tan}
并 ^y _{gōm} 兼

星

嶽東

宗 大令

泰仙大

禪 (Zen)
thien

王

云

亭

延 *dinh*

雁門 應 雁 門

紫塞

雞田けい

赤 *nich* *shōnin*

城

日比鏡 cōn xing

池

Gr
石

石 ishi

鉅野

者
洞

庭

Đinh 7

稅 thức lúa

孰 thục chín

貢 cống

薪 lân

勸 khuyến

賞 thưởng

黜 trừ

陟 thị

倣 thực trước

載 trái

南 phương

畝 nhĩ

我 nhĩ

藝 nghệ

黍 thổ

稷 lúa

治 trị

本 bản

於 ở

農 nông

務 trách

茲 đây

稼 đãi

穡 thực

曠 khổng trống

遠 duyên xa

繇 trời do

貌 mào đặc

巖 nhâm chân

岫 khổng

杳 hào

冥 minh

孟

軻

敦 尊
Bôn hau

素 Make

史

魚

秉 拾

七且

庶 shu

幾侯

中

庸

勞

Khinn

謹啟

救 ch'iu

fac

聆 ling ing

音省

察

水 理

2. *Phạm*
Tên *C*
S

slam xam
韻 倂

mao dan

色 *thi* *nhân* *câu*

貽 di 花 huā

歛 宛
khuyet-luot

嘉 *dox y nuu*

大 da Hay.

勉 la

man gan
甘 車

六
所雙

植 てい

trize de

索 尋 tām

居 居 koo

間 間 nham

處 處 aa

沉 沉 lam

默 默 hei

寂 寂 heh

寥 寥 lei

兩 兩 lūn

疏 疏 so

見 見

機 機 moi

解 解 hai

組 組 zū

誰 誰 dei

逼 逼 bic

殆 殆 ngai

辱 辱 nhuc

近 近 cin

恥 恥 hei

林 林 lam

泉 泉 chun

幸 幸 heh

卽 卽 it

省 省 shing

躬 躬 cong

譏 譏 chi

誠 誠 dai

寵 寵 chong

憎 憎 zung

抗 抗 can

極 極 cec

求求 求
cāu

古古 古
gǔ

尋尋 尋
xún

論論 論
lùn

散散 散
sǎn

慮慮 慮
lǜ

逍逍 逍
xiāo

遙遙 遙
yáo

欣欣 欣
xīn

奏奏 奏
zǒu

累累 累
lèi

遣遣 遣
qiǎn

感感 感
gǎn

謝謝 謝
xiè

歡歡 歡
huān

招招 招
zhāo

渠渠 渠
qú

荷荷 荷
hé

滴滴 滴
dī

歷歷 歷
lì

園園 園
yuán

茶茶 茶
chá

抽抽 抽
chōu

條條 條
tiáo

枇杷枇杷 枇杷
pí pá

晚晚 晚
wǎn

翠翠 翠
cuì

梧梧 梧
wú

桐桐 桐
tóng

早早 早
zǎo

凋凋 凋
diāo

易 易記 xià

輜 輜輕 xun

攸 攸乾 cān

畏 畏野 shì

屬 屬連 huà

耳 耳聰

垣 垣墻 lún

牆 牆垣 wāch

牆 牆垣 wāch

耽 耽連 thām

讀 讀見 x

翫 翫典 wān

市 市是 shì

寓 寓寄 yù

目 目相 mù

惠 惠帟 huì

箱 箱相 xiāng

箱 箱相 xiāng

遊 遊野 yóu

鷗 鷗鷗 cōu

獨 獨提 dū

運 運逢 dàn

凌 凌駢 lán

摩 摩摩 chun

絳 絳年 jiàng

霄 霄霄 xiāo

霄 霄霄 xiāo

陳 陳松 cān

根 根松 cān

叻 叻提 fū

禾 禾提 hu

醫 醫提 yī

落 落相 luò

葉 葉華 yè

飄 飄風 piāo

飄 飄風 piāo

具 椒 600

膳 膳 600

餐 餐 600

飯 飯 600

適 適 600

口 口 600

充 充 600

腸 腸 600

飽 飽 600

飫 飫 600

亨 亨 600

宰 宰 600

饑 饑 600

厭 厭 600

糟 糟 600

糠 糠 600

親 親 600

戚 戚 600

故 故 600

舊 舊 600

老 老 600

少 少 600

異 異 600

糧 糧 600

妾 妾 600

御 御 600

績 績 600

紡 紡 600

侍 侍 600

巾 巾 600

帷 帷 600

房 房 600

矯 kiểu

手 thủ

頓 đ頓

足 đủ

悅 hoài

豫 dự

旦 đản

康 khương

撲 phục

麵 miến

播 phát

蹕 chức

懌 hỷ

愜 thỏa

顧 cố

安 an

絃 huyền

歌 ca

酒 cửu

譙 chiếu

接 tiếp

杯 cái

舉 cử

觴 thương

長 trưởng

彈 đàn

醕 chức

琰 chán

戩 chán

接 tiếp

戩 chán

晝 trưa

眠 miên

夕 tịch

寐 mị

藍 lâm

筍 tham

象 tượng

牀 giường

床 giường

晝 trưa

眠 miên

夕 tịch

寐 mị

藍 lâm

筍 tham

象 tượng

牀 giường

紈 quần

扇 quạt

圓 quyển

絜 giết

銀 ngân

燭 đốt

燁 hoàng

煌 hoàng

皇 hoàng

結 kết

紈 quần

扇 quạt

絜 giết

銀 ngân

燭 đốt

燁 hoàng

煌 hoàng

骸 hài 軀 qū

錢 qián 踐 jiàn

稽 qí 稽 qí

嫡 dí 嫡 dí

垢 gǒu 垢 gǒu

牒 dié 連 lián

顙 tān 顙 tān

後 hòu 後 hòu

想 xiǎng 想 xiǎng

問 wèn 問 wèn

再 zài 再 zài

嗣 cù 嗣 cù

浴 yù 浴 yù

要 yào 要 yào

拜 bài 拜 bài

續 xù 續 xù

執 zhí 執 zhí

顧 gù 顧 gù

棟 dòng 棟 dòng

祭 zhì 祭 zhì

執 zhí 執 zhí

答 dá 答 dá

懼 jù 懼 jù

祀 sì 祀 sì

願 yuàn 願 yuàn

審 shěn 審 shěn

恐 kǒng 恐 kǒng

蒸 zhēng 蒸 zhēng

涼 liáng 涼 liáng

詳 xiáng 詳 xiáng

惶 huáng 惶 huáng

當 dāng 當 dāng

恬 白 恬
tiān

筆 第
bǐ

倫 外
lún

絨 只
rēng

鈞 外
jūn

巧 君 客
qiǎo

任 外
rèn

釣 自 釣
diào

布 外
bù

射 有 射
shè

遼 外
liáo

丸 丸
wán

愁 外
chōu

琴 做 琴
qín

阮 阮
ruǎn

嘯 嘯
xiào

誅 科
zhū

斬 鉗
zhǎn

賊 外
zéi

盜 林 盜
dào

捕 捕 網
bǔ

獲 外 獲
huò

叛 叛
pàn

亡 亡
wáng

驢 驢
lú

騾 騾
luó

犢 犢
dù

特 樓
tè

駭 駭
hài

躍 躍
yuè

超 超
chāo

驤 驤
xiāng

璇璣
quên
xuân

懸幹
lưu
bính
cáng

晦
hoài

魄環
huyết
hoàn

照
chiếu

年
niên
tiên

每催
mỗi
hoài

曦
hoài

暉
hoài

耀
chiếu

毛施
máo
thi

淑姿
thục
tư

王
vương

嬪
bīn

笑
tiếu

釋
thích

紛
phân

利俗
lợi
thục

並
đồng

皆
đều

佳
tốt

妙
hiệu

孤 <small>瓊</small>	束 <small>凍</small>	矩 <small>法</small>	指 <small>只</small>
陋 <small>鬼</small>	帶 <small>帶</small>	步 <small>步</small>	薪 <small>搶</small>
寡 <small>也</small>	矜 <small>根</small>	引 <small>引</small>	脩 <small>拌</small>
聞 <small>暄</small>	莊 <small>敬</small>	頌 <small>古</small>	祐 <small>福</small>
愚 <small>最</small>	徘徊 <small>王</small>	俯 <small>露</small>	永 <small>恒</small>
蒙 <small>心</small>	瞻 <small>差</small>	仰 <small>仰</small>	綏 <small>前</small>
等 <small>主</small>	眺 <small>沾</small>	廊 <small>郎</small>	吉 <small>吉</small>
誚 <small>賢</small>	眺 <small>眺</small>	廟 <small>廟</small>	劬 <small>動</small>
笑			部

謂浪語内助批者反。嗚牢哉名乎喂也五。

增廣賢文

昔嚮時課賢當文次誨餘汝冷諄冷諄以集極

韻子增添廣曠多繞見覺多繞聞暄觀活今今

宜端

鑑杜

古習

無空

古聲

不成庄

今聲

知別

彼漢

將元

心老

比舌

心意

酒得

逢遇

知伴

已了

金江

飲江

詩

何細

會返

人得

吟

相燒

識別

滿泣

天冲

hong

下

知別

也心

能取

幾余

人得

相燒

逢返

好奔

似初

初買

相燒

識別

到史

老朱

終金

無史

怨史

恨心

心毒

近斯

水淹

知別

魚魚

性魚

近斯

山魚

識別

鳥點

音省

易毛

長敵

易毛

退淵

山魚

溪魚

水滋

易台

反倒

易喧

覆阻

小有

人有

心惡

運有

去 xuy 哀

金鐘

成 3

鐵 てつ

時課

來

鐵

似

金鑽

讀

書

頤

用

意

一

丁 *chir*

值 日

千

金

逢

人

日尾 *thai da²*

說 shuō

三分

1)

話傳

未 从 彡

可可

全 tan 角 kuo
折 shih

phao

片

心

定有

高

傳

墳

奇

命

力

一

秘

二

庄

三

栽栽 栽

花不花 花

發發 發

無心無 無

插插 插

柳柳柳 柳

成成 成

陰陰 陰

畫畫 畫

虎虎 虎

畫畫 畫

皮皮 皮

難難 難

畫畫 畫

骨骨 骨

知知 知

人口口 口

面平面 面

知知 知

心心 心

錢財錢 錢

如如 如

畫畫 畫

土土 土

仁義仁 仁

值值 值

千千 千

金金 金

流流 流

水水 水

下野 難那 冰冰 有有 意意 白白 雲雲 出出 岫岫

本本 無無 心心 當當 時時 若若 不不 登登 高高

望望 誰誰 信信 東東 流流 海海 漾漾 深深 路路

知知 馬馬 力力 事事 久久 見見 人人 心心 兩兩 人人

一般thư

心thi

有thi

錢thi

堪thi

買thi

金thi

相thi

見thi

易thi

得thi

好thi

久thi

佳thi

難thi

為thi

人thi

馬thi

行thi

無thi

力thi

皆thi

因thi

瘦thi

人thi

不thi

風thi

流thi

只thi

為thi

貧thi

賒thi

人thi

饒thi

人thi

不是起
不是師

痴痴
漢者

痴痴
漢者

不是起
不是師

饒讓

人人
是是

親則
不是起

不是及
親則

非起
親起

却分

是是
親則

美言
不起

美言
鄉起

中中
酒酒

酒酒

親天
不起

親天
故起

鄉起
人起

人起
驚起

花花

猶怕春光老
豈可教人枉

度春相逢不飲空歸去

洞口桃花也笑人紅粉

佳人休便老風流浪子

莫^場

教^殊

貧^艱

在^舊

家^取

不^如

會^洞

迎^遠

ngiān

賓^兒

客^{tan}

路^出

方^買

知^別

少^少

主^几

人^洞

黃^黃

金^{ngiān}

無^空

假^對

阿^味

魏^{ngiān}

無^空

真^真

客^{khach}

來^不

主^主

不^之

顧^親

應^蔡

恐^永

是^吳

痴^痴

人^得

貧^親

賤^楚

開市東 鬧

無魚

人得

問海

富刺

在籠

深淺

山為

有若

遠群 細

親相 鄰

誰希 得

人誰

背離

後要

無空

人得

說的 話

那今

個可

人得

前點

不在

說的 話

人得

有有

錢的

道病

真空

語的

無空

錢的

語的

不主

真實

不信但看筵中酒
盃先

勸有錢人閑裡有錢靜

處安身來如風雨去似微

塵長江後浪催前浪世

上^上

~~親~~

新^買人^外

趙^馬

舊^姑人^外

近^斯

水樓^通

臺^臺先^外

得^平

月^大

向^細

陽^人

花^花

木^木

早^嚴

逢^返

春^春古^外人^外

不^不見^見

今^今時^時

月^大

田^田

今^今

月^大

曾^曾

曾^曾

經^經照^照古^古人^人先^先

到^到

為^為

君^君

後^後

到^到

為ハ臣しん莫モ道だう君くん行かう早さう更ま有有

早さう行かう人じん莫モ信しん直ちく中ちゆう直ちく須しゆ

防ほう仁にん不フ仁にん山さん中ちゆう有有直ちく樹じゆ世せ

上じやう無ム直ちく人じん自じ恨こん枝し無ム葉えふ莫モ

高文舉

怨恨太陽偏大家都是命半押

點不由人一年之計在於六

春春一日之計在於寅一家春

之計在於和一生之計在春

於勤責人之心責己之怒己之

心怨人守口如瓶防意如城

寧可負我切莫負人再三

須重事第一莫欺心虎生

如
近
鄰
鄰
有
茶
有
酒
多

遠
水
難
救
近
火
遠
親
不

說
是
非
者
便
是
是
非
人

猶
可
近
人
熟
不
堪
親
來

俗
俚
語

俗
俚
語

俗
俚
語

說

說

兄弟急難何曾見一人人情

似紙張張薄世事如棋局

局新山中也有千年樹

世上難逢百歲人力微

休負重言輕莫勸人無

錢休入衆遭難莫尋親

平生莫作皺眉事世上

今應無切齒人士者國之

寶寶儒儒為為席席上上珍珍若若要要斷斷酒酒

法法醒醒眼眼看看醉醉人人求求人人須須求求英英

雄雄漢漢濟濟人人須須濟濟急急時時無無渴渴

時時一一滴滴如如甘甘露露醉醉後後添添杯杯不不

如無久住人賤貧來親也

疎賔住

疎酒中不語真君子財財

上分明大丈夫出家如初成

佛有餘積金千兩不如明解

經書養子不教如養驢

養女不教如養豬有田

有^不不耕倉廩虛有書不

讀子孫愚倉廩虛今歲

月^腦 乏^少 子^提 孫^指 愚^愚 今^今 禮^禮 義^義 疎^疎

同^同 君^君 一^一 夜^夜 話^話 勝^勝 讀^讀 十^十 年^年 書^書

人^人 不^不 通^通 古^古 今^今 馬^馬 牛^牛 如^如 襟^襟 裾^裾

茫^茫 茫^茫 四^四 海^海 人^人 無^無 數^數 那^那 個^個

男兒nam con

是shì

大夫dà fū

白酒bái jiǔ

釀niàng

成chéng

延diàn

好hǎo

客khách

黃huáng

金jīn

散sǎn

盡jìn

為wéi

收shōu

書shū

救jiù

人rén

一命yī mìng

勝shèng

造zào

七qī

級jí

將jiāng

屠tú

城門chéng mén

失火shī huǒ

殃yāng

及jí

池chí

魚yú

庭tíng

前qián

生

瑞thai

幕

好

事

不

如

無

欲

求

生

富

貴

須

下

死

工

夫

百

年

成

之

不

足

一

旦

之

有

餘

人

心

似

鐵

國

法

如

爐

善

化

不

足

惡

化

有

餘

水太清則無魚人太緊則無

智知者減半省者全無在家

由父出嫁從夫癡人畏婦賢女

敬夫是非終日有不聽自然無

寧可他正奇而不足詭不可奇邪曲而有餘奇

寧可他信奇其有不可奇信人其無空竹枯離榜

茅舍寧風光明好年道院靜僧房後總心不左如取

命裡古有時命終須有命命裡無時莫

強求道院迎仙客書堂隱相儒

庭栽樓鳳竹池養化龍魚結交

須勝已似我不如無但看三五

日相見不如初人情似水分高

下世事

淫 益 便

如雲

霄

任

志 意

捲

當

舒

隨

會說

善

同

說

同

都

同

都

丹

是不會說

師 主 同

無

同

禮

空

塵

力

刀

文

恨

力

不

主

利

後

刀

交

刀

道

利傷人

後 害 小 難 難

指

求

財

恨

不

多

疑

財

多

害

害

多

害

害

害

害

害

自己

吏 命 別

知

足

常

恒

足

者 延

終

身

不

辱

知

知

知

知

知

知

知

知

止半常恒止半終命不身恥虎有古福害傷貽財貽無福

傷害已命差差之小毫美釐蓋失屏之新千跋哩水若水涉涉

遠賒必必自斯適永若逝登登高必必必自溫卑卑三三思思

而而行行再再思思可可矣矣使使口口不不如如自自走走

死死牆有縫壁有耳好事不宗

門門惡事傳千里賊是是小人智

過過君子君子固窮小人窮斯

溫溫矣矣貧窮自在富貴多憂

不至以勉我此爲如德反以勉我此爲如仇賊寧他向細

直隨中時取米不至以勉曲勉中中求小人空無餘遠戶慮戶

必至有如近所憂戶知勉我此者凡爲此我此心憂憂戶

不至知勉我此者凡爲此我此何馬求勉晴暖乾松不至肯小

去去直待雨淋頭成事莫說覆覆

水水難收是冰只為多開口煩煩

惱惱皆因強出頭忍得一時之之

氣免免得百日之憂憂近來學得烏烏

龜變法得縮頭時且縮頭懼法大

朝昭朝昭樂欺公日日憂人生又

世世草生一春春白髮不隨老人

法法看來又是白頭翁到三三

十止光川明弱少少人小到人中中年年萬同事反林并

兒招孫招自右有招兒招孫招福福莫莫把把兒兒孫孫

作作馬馬牛牛人人生生不不滿滿百百常常懷懷千千

歲歲憂憂今今朝朝有有酒酒今今朝朝醉醉明明日日

愁來明日裏路逢險處難

迴避事到頭來不自由藥能

醫假病酒不解真愁人貧不

語水平不流壺家養女百家

求文一馬昆不行鼓百馬要裏馭有卡花亦方瓦

酌片酒醋無空月太不全登也樓レ三正杯正通レ大缺

道塘一レ醉醺解レ千新愁レ深淺山尚畢未竟下藏需

猛直虎紙大新海渡終命須大納收細地浪用惜レ花レ

須檢點愛水不梳頭大抵選

他肌骨好不傳紅粉也風流

受恩深毒宜先退得意濃時

便可休莫待是非來入耳從

前響

恩人

愛折

反阻吏

爲少

仇誓

留吟

得平

五狂

湖

明川

月朗

在輝

不起

愁一

無空

處埕

下舒

金廣

鉤

休滂

別分

有亦

魚舒

處埕

莫滂

戀貪

淺汗

渚

頭

難

去勢

時欺

終命

須十

去勢

再仁

三臨

留去

不吟

住震

忍

一句息又一怒又饒陣一着容退踏一步跳

三十計不毫毫四十十不富富五十十將侯

相蒙尋人死折路痕生莊不認認魂魂死死不認認

屍尸父父母母恩恩深深終命有有別命夫夫妻妻姜姜

重緩

也

分

離

人

生

似

鳥

同

林

宿

大歌

恨

來

時

各

自

飛

人

善

被

人

欺歌

馬

善

被

人

騎

人

無

橫

財

不

富歌

馬

無

夜

草

不

肥

人

惡

人

怕

天不怕人善人欺天不欺善

惡到頭終有報只爭來早與來

遲黃河尚有澄清日豈可人

無得運時得寵恩辱居安慮

危念

想想

有

古

如

臨

入

淵

域

日

早

心

悲

心

常

恒

在

盤

過

尤

橋

棟

時

課

英

雄

行

險

道

塘

富貴

似

柳

花

瓦

枝

標

人

情

莫

春

光

寧

好

只

怕

秋

來

有

冷

時

送

君

千

里跌終須一別命但將冷眼看帶螃毛

蟬跌看你橫行祇到幾時見事醉莫通

說內問事每不知閑事收莫管主無事刑

早晏還未做饒染就真紅色也慢被模

旁外人小說內是怪非怪善行事可作惡事事

莫傷爲心許未人小一物新千廣金難不難移難龍難

生龍子虎生豹兒龍龍跡遊許淺深水深

遭及蝦心戲引虎級落帶平洋藤被藤犬藤欺藤一藤

舉^指首^頭登^進龍虎榜十年身到鳳

凰池十年窗下無人伺一舉^拔

成名^誠天下知^知酒債尋常何處

有^有人^人生^生七十古來稀^稀養兒^兒

老積穀防饑雞豚狗彘之食

無失其時數口之家可以無

飢矣常將有日思無日莫把

無時當有時時來風送騰王

閑運去雷轟薦福碑入門休

問榮枯事觀看容顏便得知

官清書吏瘦神靈廟作肥息

却雷霆之怒罷却虎娘之威

饒護人小算信之本核輸收人小算信之機賴婢小

言病難苦得平惡興語二易易施甘一又言病既也出

駟畢馬馭難苦追繞道啣吾此好答者反是矣吾也賊言

道啣吾此惡興者矣是矣吾此師紫路增逢遇險注害注

須當不是才人不獻詩三人

同行必有我師焉擇其善者

而從之其不善者而改之少年

不努力老來徒悲傷人有善

願阿天必平佑批之○莫湯喫王卯景時景酒野

昏迷昏醒醉不到景酉湯莫止罵景酉嬌時嬌要○

一天夜底受銀孤冷悽○種權麻捐得平麻捐種權豆○

得平豆○天卷網裡恢悌恢long疎味而系不主漏大見○

宦莫向陽前細做白客莫廣在蒼後新寧他添又

一斗莫添廣一口竟螳螂捕蟬昆豈比 螳 蛄 新

知別黃雀廣 古 註在後新不求立金玉廣重重立

貴今但願同兒提孫招個都個貴賢日一日種未

妻婦百百世世姻緣緣百百世世修修來來

同同船船渡渡千千世世修修來來共共枕枕

眠眠殺殺人人一一萬萬自自損損三三千千傷傷

人人一一語語利利如如刀刀割割枯枯木木逢逢

春春嬌嬌再再悲悲人人無無兩兩度度再再少少年年

未未晚晚先先投投宿宿雞雞鳴鳴早早看看天天將將

相相胸胸前前堪堪走走馬馬公公侯侯肚肚裡裡好好

撐撐船船富富人人思思來來年年貧貧人人思思

前釋世世人外若取要同人小情情好平賒凌去計拈拈

件小莫湯取神錢錢死死生生由由命命富富貴貴由由

天天擊打石石原本有在火火不不擊打乃乃無無烟烟人人

學學始買知知道道不不奈奈亦亦徒徒然然莫莫笑笑他他

人老終須命還到老命但能依本分命

終須無煩惱命君子愛財取之有道命

貞婦愛色道納之以禮婦善有善報天

惡有惡報其不是不報其日子未其

人而無信空不知其可也別一人

好平千人傳實新凡事要好須問平

三老若爭新小可便失失大道年年

防饑餓夜夜防盜盜孝者如禾如稻稻

不孝者如蒿如草遇飲酒時須

飲酒得高歌霎且高歌因風吹

火用力不多不因漁父引怎得

見波濤無求到處人情好不

從他酒價高。知事少時煩惱。院其醋

識人多處是非多。入山不怕傷。別小統

人虎只怕人情兩面刀。強中更。小極今

有強中手惡人須用惡人磨。會。亦孟冲極

使道不在家起豪如富朝風流不用富着大衣衣

多鏡光陰睥似箭光日月大如梭推天時卷不至

如取地利地不如取人小和小黃金廣未甲

爲少貴小安樂通值錢取多鏡世通上萬通

皆母下正品戶思人量今惟古有古讀冊書冊高人出

間叶好語書語說語盡語天中下古名古山尚僧崇占崇

多說爲人善人最吐樂恒爲人惡暗難速逃報羊古有

跪人乳布之人恩書鴉在有反哺鴈之人義駢你駢

急他什莫未急人小心不測惡隱彌惡此

揚振善卷執其兩端吳妻賢夫禍少種

子提孝父討心寬毛既惡隨猛至地斷地反來

顧祝無益空反覆迎之水地收急之急

難^苦

人^世生

知^別足^者

何^色時

足^起人

老^小

閒^祖

且^矣是

閒^今

但^有

綠^撐

楊^核

堪^奇

繫^外

馬^次

處^計

處^塘

有

路^透

透^長

長^安

安^見

見^者

者^易

易^起

幸^者

難^苦

莫^湯

將^尾

容^了

易^老

得^平

便^作

作^起

等^本閒看用心計較般般錯^本退^踏

步^跳思量事事難^後道^曉路各別^怡養^每

家^氣壺般從儉入奢^後易^易從奢入^後

儉^後維^後知音說共知音聽^聽不^至

是从知音伴莫蕩共大彈嫩點破在破他心

金廣人心卷猶洋未藻足都信來了來肚聲

賣半了來無空他恰人小覷睨覷睨不不涉涉

你辭目相他恰人小碌躑碌躑不不涉涉你辭

足蹟誰人帝不愛併子孫恨賢帝誰帝

人不愛併千鍾祿粟祿奈六五行法不

是師這巧般福題條目傷莫倚把矣真忌心忌空

計案較案兒恨孫太自抵有抵兒抵孫抵福抵與抵

人系和勸人養鵝與人不可

勸人架屋但行好事莫問前

程河狹水急人急計生明知

山有虎莫向虎山行路不行

不到事人不爲役不成年人不勸不

善登鐘大不打大不鳴叫無錢買方斷崔酒旺醋

臨不老買始新看紅經紅塔泥七層水不如最暗垢雲

一燈荒烟萬事詞勸大人休傷瞞對昧最舉指頭

尺矣有如神位明。但少存僅方旌寸罽地。留底與朱

子招孫耕滅。却除心志頭。火煇剔挑起海佛。

翦翫燈烟惺洵惺。常恒不。足越蒙悔蒙。作。公。

卿。衆考星年朗頽朗。不。如取孤。月大獨又明。

兄弟英俺相害院不如起自生命耕合理理可作奇

小利池莫爭湯新牡丹花核好花辛空地入目相棄核

花須人小結人實成疑誠欺老淳莫欺神少欺神

人心小志不明至隨門分院耕耕鋤耕收教地利地

時飽煖課謝蒼天得忍且忍得奴

且耐辱不忍不耐辱小事成成大相論辱

逞英雄家計逞漸漸退逞賢婦令夫逞

貴惡婦令夫敗貴一人有慶兆民貴

感人慚人人老心未老人窮志不窮

人無千日好花無百日紅殺人

可奇怒他情理難容後富不如新受

用後乍後貧後難改後舊家風座上客

滿樽中酒不空屋漏更遭連雨

雨眉船又被打頭風竿因落籜

方成行魚爲奔波始化龍記得

少年騎竹馬看看又是白頭翁

禮法則僂小生朝於富腿足斷盜傷賊越起小於貧繞窮苦天及

上上各年象星易皆流拱燭照世世中詞空無水居不朝泌東米

君小子安繞貧通達人別知隨命窮忠債言聰逆耳利

於行小良藥藥苦豎口覽利色於病小順小天小者小

送天者亡人爲財死鳥腐今

亡夫妻相好合琴瑟共笙簧

有兒貧不父無子富不長善

必壽老惡早亡爽口食多偏

作病快心恒事過恐生殃害富三朝

貴定正要安本行分二貧窮不必枉蛇

思量戶畫水人無風教空作浪處繡花通雖陸

好平不聞香至貪他種一斗米貧失却真

年糧爭他一脚版返失一時

龍邊晚消雲猶濕麝過春山

草木香平生只量會人短何不

回頭把自量見善如不及見不

善如探湯拊人貧志短網馬瘦毛長瘠

自家心裏急急他人未知忙慍忙貧無

達士持贈金病不高人說藥為方觸犯

來莫與說事過心清涼秋至務

山多秀色辛春來無處不花註市

凡人不可面奇相相海水不可斗量東 dong 人

清清之水冲爲土所防被清垢清之士祀

爲酒所傷模 震蒿草之下韞或有蘭还 志 乾 贊

茅茨之屋賈或有良將無無限登朱門瑞

生餓殍尉幾多白屋包出公卿阮醉後泊

乾坤大壘壺中日月神長萬事錢省已祭

定浮生課空自陸慙千里戶送毫毛美

物不寄

改

失

失

一人傳

虛

對

百人傳

安

安

安

世事

世

明

川

如鏡

鏡

前

鏡

程

塘

暗

最

似漆

荒

光陰

山

陰

驕

陰

驕

陰

驕

陰

較

勢

金

措

爲

貴

一

世

如駒

駒

過

艾

隙

野

良

娘

田

曉

田

曉

田

萬頃

日

食

一

升

大

厦

千

詞

夜

眠

眠

八尺千經同萬典再孝義討為先溫一字又

入公門氣九牛人拋喬不出出衛門侍八字紫

閑嗎有理在無錢空莫進細來富人從升霸合既

起曳貧龍因併不算表來家新中冲無才宜子凡

從何處來

闕

萬事不由人計較

墨林

害

生都是命安排

急行慢行

蹠

前程

糶

塘

只有多少路。人間私語。天聞如雷。

美

暗室虧心。神目如電。一毫之惡。

美

霸

美

勸人莫作一毫之善與人方便利

虧人害是禍饒人容是福天眼恢恢手報

應應甚速聖賢言語角神欽敬鬼伏護人

各有心心丹各有見口說內不如身

耳聞聽不如目見度養軍千日田

在一朝明國清才子中貴家富小兒

驕利刀割體痕瘡易合既惡語差傷人

恨不消公道中世間今惟白海髮選貴人

頭上不曾饒有錢堪出衆無衣

懶^{少愛}出門爲官須作相及第必爭

先^魯苗從地發樹向枝分父子^{梗粉}和

而家不退兄弟和而家不分官

正條律民有私約貞頓潤時不饒煇香顏

時抱稽佛脚躡幸生太平蕤無事日恐衣

逢年亥老不多也饒時國亂思良將家慨

貧思賢想安陶池塘積水須防旱煥

田曉地祖深遠耕耕足楚養厥家如根格深樓不庄怕悖

風邊搖來動來樹來正來無來愁來月來影來斜來奉來

助助君得子得各都守得己得只得此得呈得示得萬得無得

一幾失幾
終畢



商買物用。以下

白茯苓

hải kham
trắng

猪皮

chua heo

清遠茶

trà hảo

赤茯苓

hải kham
đỏ

牛皮

da trâu

唐荔枝

hải dãi
khai

鹿筋

gân nai

烏龍茶

trà oài

中秋餅

bánh trung thu

月餅

bánh nguyệt

小牙硝

nhũn tím

大月

đám bạc

蓮子茶

trà táo

唐雪梨

thổ tài

紅參

thảo đỏ

薏苡米

lứt bô

百合

hạt bách hợp

白方規

hạt long

加應子

thảo chín

玉竹

thảo

五味香

vị kham

白菓

hạt quả

吉寧參

thảo châu

菩提肉

thảo nhô

視

thảo

大茴香

vị kham

良莠

lũn nhữn

葡萄肉

hạt nhô

龍眼肉

hạt nhô

天

thảo

石靚

shí lìng

青洋

qīng yáng

大磁碗

dà cí wǎn

黃薑

huáng jiāng

堅

jiān

齒掃

chǐ sǎo

帳眉

zhàng méi

小磁碗

xiǎo cí wǎn

眼鏡

yǎn jìng

蚊

wén

辣蕪

là wú

茶蓀

chá sūn

白鏡時辰

bái jìng shí chén

元玉

yuán yù

茶杞

chá qǐ

紙扇

zhǐ shàn

銅蓀

tóng sūn

茄楠香

qié nán xiāng

磁碟

cí dié

洋燭

yáng zhú

茶乎

chá hū

羅斗

luó dòu

省銅油

shěng tóng yóu

火水

huǒ shuǐ

蝦線

xiā xiàn

油燭

yóu zhú

熨斗

yù dòu

雲花湯匙

yún huā tāng chí

風爐

fēng lú

魚線

yú xiàn

煙筒

yān tǒng

燈繩

dēng shéng

高株香

gāo zhū xiāng

鉛線

qiān xiàn

芋線

yǔ xiàn

燈筒

dēng tǒng

燈笠

dēng lì

長葎香

cháng là xiāng

銅線

tóng xiàn

席線

xí xiàn

番筆

vết lông

骨梳

đốt day

仕含香

thê nam

桐油

dầu thông

硃對

son đỏ

番墨

mực lông

牛梳

đốt trâu

白蓆卷

đệm lười

柳油

dầu dừa

西釘

vít sắt

番紙

giấy lông

番柴

thô dĩ tông

電火柴

hộp quẹt mìn

生油

dầu phồng

紅灰

vôi đỏ

番鞋

dai lông

草紙

giấy thảo

象火柴

hộp quẹt cây

清油

dầu trong

白灰

vôi trắng

番笠

mền lông

褲頭

đing quần

鹿火柴

hộp quẹt cây

晒油

mắm tỏi

裏鹽

múi bột

番帽

mền lông

夜帽

lái vật

魚火柴

hộp quẹt cây

槥粉

chua cá

白豆

đậu trắng

番牌

lái cá

足襪

đôi vớ

雪盲湯匙

mười răng

槥塊

chai củi

芥

hạt cải

番尺

thước dài

魚水

múi mìn

餅藥砂

cát sỏi

麵包

loài mỳ

...

...

入聲紅炮

pháo thanh

腰絲帶

vải dây lưng

朱粉

vết xanh

滿面金

trang bột

碎

小聲紅炮

pháo thanh nhỏ

腰皮帶

vải dây lưng

沙粒

chén

古度金

trang bột

新

永中興香

hương trung vĩnh

菱角合

hình thái ô

轆線

lụa

粉扣年

trang bột

潮金

象影番紙

giấy bóng

弓魚線

cần gai

沙紙

giấy da

元甲紙

giấy quyền

皇家紙

正枚花筆

bút hoa

双頭紙

giấy hai đầu

頭巾

khăn

高連紙

giấy cao

南錢紙

元支大缸

hương

双頭金

vàng hai đầu

枕頭

gối

鬼頭紙

giấy quỷ

烏皮紙

同人馬紙

giấy

經衣紙

giấy kinh

白布

vải trắng

五色紙

giấy

山黃紙

鴉片洋烟

thuốc

北頭紙

giấy

紅布

vải đỏ

南皮紙

giấy

紅尼牌

唐山生烟

Phước Sơn
Sơn

毛本紙

giấy quàn áo

邑烟

thực ở ngon

玻璃杯

cà ly

電汽油

điện dầu

唐山熟烟

Phước Sơn
Sơn

銅盛鈕

miếng áo áo
Sơn

宋烟

thực hương

金不勿

cát muối

電石塊

điện thạch

白包絲烟

Phước Sơn
Sơn

銅盛鈕

miếng áo áo
Sơn

冰糖

đường phèn

金不易

cát muối

砂仁魚

sa nhân

藍包西烟

Phước Sơn
Sơn

金口針

kim khâu

飴糖

đường nếp

金不換

cát muối

白絲線

sợi lụa trắng

片糖大石

Phước Sơn
Sơn

小塊烟

thực nhỏ

片糖

đường phèn

金包針

kim khâu

大力快

lực

菓幕火水

đầu lửa

星火水

đầu lửa

青鹽

muối

西車糖

đường cát

大朱砂

đỏ

鷹火水

đầu lửa

白砂糖

đường cát

大釘

đinh

上片糖

đường phèn

貢公

đóng

生肉

đầu

大黑豆

đậu đen

皮包

cái bọc

赤小豆

đậu đỏ

白

八司白酒

trắng trắng

滿紅酒

trắng trắng

木老酒

trắng trắng

双蒸酒

trắng trắng

銀

trắng trắng

克米酒

giết mế

位生酒

trắng trắng

薄荷酒

trắng trắng

百花酒

trắng trắng

虎骨

trắng trắng

五加皮酒

ngũ gia da

毛鷄酒

trắng trắng

牛奶酒

trắng trắng

老菊酒

trắng trắng

滋酒

trắng trắng

萬英池酒

trắng trắng

白馬良酒

trắng trắng

甘露酒

trắng trắng

三蛇酒

trắng trắng

瓊醬酒

trắng trắng

金菊酒

trắng trắng

國公酒

trắng trắng

玫瑰露酒

trắng trắng

西綿老

trắng trắng

電燈

trắng trắng

白藤条

trắng trắng

紅藤条

trắng trắng

色油盒

trắng trắng

遮雨蓋

trắng trắng

錦記

trắng trắng

綠通衫

trắng trắng

沙通衫

trắng trắng

和順香杭

trắng trắng

西頭尖

trắng trắng

明列子

trắng trắng

機綿老

trắng trắng

西茹合

trắng trắng

熟酸菓

trắng trắng

味精粉

trắng trắng

大庄米

trắng trắng

冬瓜盅

Cải heo

老人盅

Cải ông người

鬼頭紙

giấy viết

(重)

白苡菜

lộc

(重)

赤苡菜

Cải Mắm đỏ

金針菜

Cải hân

菜梗頭

Cải Mắm

澄麵粉

lộc

兵切粉

lộc

公司粉

東京粉

lộc

西谷米

lộc

唐山菜

Cải Bắp

花旗灯

đèn

電池灯

仙鶴草

Cây chim

川耳云

mắm

西仁豆

đậu

洋冲頭

Củ

生寸頭

東洋菜

Cây

瓜角片

mứt

荷蘭豆

đậu

大蒜頭

Củ

鉄水箱

日尔魚

Cá

日尤魚

Cá

白粉線

lộc

大葱頭

Củ

日月螺

丐生粉

lộc

付竹枝

Cây

付乳盒

Hộp

江瑤柱

Cột

江名

粉對

phấn

機黑紙

giấy

擦銅油

mỡ

米方包

phong

江

入 羹 腸

lao kuang

魚 腸

kong lu

鮑 魚

huat oie

柳 菜

cai hien

白 菜

小

冬 菜

chung lao

木 耳

ai

燕 菜

hai cau tao

冬 粉

chung lao

原 廠

永

冬 菇

moan hong hai to

香 信

moan hong hai suo

付 乳

hap chao

付 子

hap chao

元 夏

tuon tao

無

腐 豆

tau hi ky

灰 碧

muat hy

灰 角

muat hy

厘 粉

hit la ni

蔴 粉

lut my

正

薑 粉

ngat hit

馬 蹄

ai nang

馬 足

ai nang

冲 菜

cai wet

白 葛

ai dian

魚

肚

hong bung ai

蝦 蛛

tom kao

毛 支

con hao

毫 夏

con hao

沙 葛

ai dian

石

參

don don

海 參

don don

海 帶

hai dai

麵 干

miu ni

木 履

guet ai

剪

刀

cai kao

砂 鍋

moi diat

苣 菜

cai diap

釘 鉗

cai kin

木 鑿

cai diat

四書四句

運年農夫八句詩。

家必有

耕元。至吏。涉霜。零。穀。秘。積。牝。
笑。爵。冬。極。辱。烟。蹇。功。后。稷。少。安。
冷。研。了。在。神。農。駭。踐。在。吃。羊。招。
龍。得。倘。湯。奚。沉。諾。淹。動。功。進。東。
走。這。皇。壯。心。行。朱。有。相。賁。沛。勛。功。必。

高父奏

十五

文字千

第

NO

和鳥印愛

啟者本號
等與市上
並經上頂
好商假冒
內外招金
致誤馬
及貴客
萬和漆坊
謹白

正庄
煙
大
奏

此
烟
之
味
道
與
眾
不
同
凡
欲
購
者
請
認
明
此
標
記
為
要

和鳥印愛